

Số: 211/BC-UBND

Đại Lộc, ngày 07 tháng 7 năm 2020

BÁO CÁO

**Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách
địa phương quý II năm 2020**

Căn cứ Luật NSNN số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015 và thực hiện Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

UBND huyện công khai tình hình ước thực hiện dự toán ngân sách địa phương quý II năm 2020, như sau:

I. NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

Ước thực hiện tổng thu ngân sách quý II năm 2020 trên địa bàn là 370.632 triệu đồng, đạt 39% dự toán HĐND huyện giao, cụ thể:

Thu nội địa: Ước thu nội địa quý II năm 2020 là 83.546 triệu đồng, đạt 31% so với dự toán.

II. VỀ CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

Dự toán chi ngân sách địa phương năm 2020 theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện giao là 875.013 triệu đồng. Ước thực hiện quý II: 433.726 triệu đồng, cụ thể:

1. Chi cân đối ngân sách: Ước thực hiện quý II năm 2020 là 426.037 triệu đồng, đạt 49% dự toán giao, trong đó:

a) Chi đầu tư phát triển: Ước thực hiện quý II năm 2020 là 81.355 triệu đồng, đạt 67% so với dự toán được giao.

b) Chi thường xuyên: Ước thực hiện quý II năm 2020 là 344.682 triệu đồng, đạt 46%, các nhiệm vụ chi đều thực hiện đúng dự toán được giao.

2. Chi tạm ứng ngân sách: Ước thực hiện quý II năm 2020 là 7.494 triệu đồng.

3. Chi nộp ngân sách cấp trên: 195 triệu đồng.

(Chi tiết theo các phụ lục đính kèm)

UBND huyện công bố công khai để các cơ quan, đơn vị biết theo dõi, chỉ đạo và thực hiện. /.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính tỉnh Quảng Nam;
- TTHU, HĐND, UBNDTTQVN huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các Phòng, Ban, ngành thuộc huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu VTLT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Văn Mai

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ II NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số 211/BC-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2020 của UBND huyện Đại Lộc)

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện quý II năm 2020	So sánh ước thực hiện với (%)		Ghi chú
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm	
A	B	1	2	3=2/1	4	
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	875.013	594.955	68%	123%	
I	Thu cân đối NSNN	875.013	485.359	55%	138%	
1	Thu nội địa	184.789	55.439	30%	64%	
2	Thu bổ sung cân đối NSNN	690.224	429.920	62%	163%	
3	Thu viện trợ					
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		109.596		82%	
III	Thu từ ngân sách cấp dưới					
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	875.013	433.726	50%	118%	
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	875.013	426.037	49%	119%	
1	Chi đầu tư phát triển	121.372	81.355	67%	128%	
2	Chi thường xuyên	743.649	344.682	46%	117%	
3	Dự phòng ngân sách	9.992				
4	Chi từ nguồn thu Phí bảo vệ môi trường, khoáng					
II	Chi tạm ứng ngân sách		7.494		87%	
III	Chi nộp ngân sách cấp trên		195			
IV	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh	0				Khi chi thể hiện từng sự nghiệp của thường xuyên và từng lĩnh vực của đầu tư


ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ II NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số 21/BC-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2020 của UBND huyện Đại Lộc)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện quý II năm 2020	So sánh ước thực hiện với (%)		Ghi chú
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước	
A	B	1	2	3=2/1	4	
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	960.434	370.632	39%	94%	
I	Thu nội địa	270.210	83.546	31%	61%	
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	10.200	5.134	50%	121%	
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.400	909		137%	
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	114.660	25.476	22%	41%	
4	Thuế thu nhập cá nhân	32.600	17.647	54%	106%	
5	Thuế bảo vệ môi trường	3.240	1.721	53%	118%	
6	Lệ phí trước bạ	33.500	9.641		65%	
7	Thu phí, lệ phí	7.500	3.016	40%	79%	
8	Các khoản thu về nhà, đất	52.700	12.964	25%	64%	
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		0			
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	600	230	38%	94%	
-	Thu tiền sử dụng đất	50.000	12.009	24%	86%	
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	2.100	725	35%	12%	
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước					
9	Thu từ cấp quyền KTKS	5.400	1.356	25%	27%	
10	Thu khác ngân sách	6.610	4.010	61%	112%	
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	2.400	920	38%	71%	
12	Các khoản huy động, đóng góp		752		27%	
II	Thu viện trợ					
III	Thu từ ngân sách dưới nộp lên		195		0%	
IV	Thu chuyển nguồn		109.596		82%	

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện quý II năm 2020	So sánh ước thực hiện với (%)		Ghi chú
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước	
V	Thu tạm ứng					
VI	Thu kết dư					
VII	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	690.224	177.295	26%	141%	
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	184.789	55.439	30%	64%	
1	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	120.540	36.897	31%	68%	
2	Từ các khoản thu phân chia theo tỉ lệ	64.249	18.542	29%	57%	



THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ II NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số 21/BC-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2020 của UBND huyện Đại Lộc)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện quý II năm 2020	So sánh thực hiện với (%)		Ghi chú
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước	
A	B	1	2	3=2/1	4	
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	875.013	433.531	50%	118%	
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	875.013	433.531	50%	118%	
I	Chi đầu tư phát triển	121.372	81.355	67%	128%	
1	Chi XDCB tập trung trong nước	71.372	34.145	48%	82%	
2	Chi XDCB từ nguồn SD đất	50.000	20.261	41%	253%	
3	Chi từ nguồn vượt thu					
4	Chi từ nguồn NSTW		9.294			
5	Chi từ nguồn MTQG giảm nghèo					
6	Nguồn vốn TPCP					
7	Chi từ nguồn vốn khác		17.655			
II	Chi thường xuyên	743.649	344.682	46%	117%	
	<i>Trong đó:</i>					
1	Chi Quốc phòng	7.665	7.110	93%	121%	
2	Chi an ninh	3.363	1.902	57%	80%	
3	Chi SN giáo dục	326.186	133.529	41%	96%	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số KHHGD	15.913	6.864	43%	113%	
5	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	400	70	18%		
6	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	16.695	9.126	55%	228%	
7	Chi SN phát thanh truyền hình	2.870	449	16%	155%	
8	Chi SN thể dục thể thao	3.092	1.018	33%	122%	
9	Chi đảm bảo xã hội	110.322	70.889	64%	152%	
10	Chi sự nghiệp kinh tế	116.957	42.309	36%	160%	
11	Chi sự nghiệp môi trường	6.005	1.402	23%	83%	
12	Chi QLNN, Đảng, Đoàn thể	132.055	58.581	44%	106%	

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện quý II năm 2020	So sánh thực hiện với (%)		Ghi chú
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước	
13	Chi trợ giá, trợ cước					
14	Chi khác	2.126	11.433	538%	162%	
III	Dự phòng ngân sách	9.992	0			
IV	Chi phí BVMT khai thác khoáng sản					
V	Chi nộp ngân sách cấp trên					
VI	Chi tạm ứng NS		7.494		87%	
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN					

